TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN PHONG** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 7 - 2020
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Văn Dậu và ông Nghiêm Đình Chế.

- ***Thư ký phiên toà****:* Ông Nguyễn Trí Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2020, về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47a/2020/QĐXX-ST ngày 02/7/2020 và theo Quyết định hoãn phiên toà số: 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Huy Biên, sinh năm 1981 (Có mặt);

HKTT: Thôn Công Bình, xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bằng, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

HKTT: Thôn Thọ Đức, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Huy Biên trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Bằng, sinh năm 1981; HKTT: Thôn Thọ Đức, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; ngày 04/01/2008. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ở Vĩnh Phúc, một thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng chuyển đến làm ăn sinh sống tại thôn Thọ Đức, xã Tam Đa, huyện Yên Phong.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hoà thuận đến 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, không hợp nhau trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ 2012 đến nay. Mâu thuẫn hai bên gia đình có biết, có hoà giải cho vợ chồng về với nhau nhưng không được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bằng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh Ly, sinh ngày 23/4/2010. Hiện nay cháu đang ở với chị Bằng, khi ly hôn quan điểm của anh là đồng ý để cho chị Bằng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ly. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Bằng có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là 1,000,000đ/1 tháng, anh nhất trí cấp dưỡng và tự nguyện hàng tháng đóng góp nuôi con chung là 1,500,000đ/1 tháng cho đến khi cháu Ly tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại lời khai có trong hồ sơ bị đơn chị Nguyễn Thị Bằng trình bày: Chị thừa nhận lời khai của anh Biên về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn là đúng. Sau ngày cưới, vợ chồng chị chung sống với nhau thời gian ngắn tại quê anh Biên ở Vĩnh Phúc, sau đó chuyển lên làm ăn ở Lạng Sơn, đến năm 2010 vợ chồng chị chuyển về làm ăn sinh sống tại thôn Thọ Đức, xã Tam Đa, huyện Yên Phong.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hoà thuận đến 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, không hợp nhau trong cuộc sống. Vợ chồng chị ly thân từ 2012 đến nay. Mâu thuẫn hai bên gia đình có biết, có hoà giải cho vợ chồng về với nhau nhưng không được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không về đoàn tụ được, anh Biên có đơn xin ly hôn chị đồng ý ly hôn anh Biên.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh Biên trình bày là đúng. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu Ly. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cháu Ly ăn học, trung bình ở địa phương khoảng 2,000,000đồng/1tháng; chị yêu cầu anh Biên cấp dưỡng nuôi con chung là 1,000,000đ/1 tháng cho đến khi cháu Ly tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ý kiến trên chị không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật, riêng chị Bằng chưa chấp hành

đầy đủ về nghĩa vụ phải có mặt tại phiên toà. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Biên, xử cho anh Biên được ly hôn với chị Bằng. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh Ly, sinh ngày 23/4/2010 cho chị Bằng tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện về cấp dưỡng nuôi con chung là 1,500,000đ/1tháng cho đến khi cháu Ly tròn 18 tuổi của anh Biên. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề cập giải quyết. Về án phí: Anh Biên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Huy Biên có đơn xin ly hôn, theo đúng mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Hiện nay chị Bằng có địa chỉ tại thôn Thọ Đức, xã Tam Đa, huyện Yên Phong nên việc anh Biên làm đơn xin ly hôn chị Bằng tại Tòa án nhân dân huyện Yên Phong giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị Bằng có ý kiến xin được vắng mặt tại các buổi hoà giải và các phiên toà, Toà án đã hoãn phiên toà vào ngày 15/7/2020, tại phiên toà hôm nay chị Bằng vẫn vắng mặt, chị đã có lời trình bày ý kiến, việc xét xử vắng mặt chị không ảnh hưởng tới quyền lợi của chị Bằng, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định pháp luật.

[2]Về nội dung:

Anh Nguyễn Huy Biên và chị Nguyễn Thị Bằng, kết hôn vào vào năm 2008 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Đa, huyện Yên Phong. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Biên và chị Bằng là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày kết hôn, anh Biên và chị Bằng chung sống hoà thuận đến năm 2010 thì phát sinh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa thuận, không hợp nhau, trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có biết, có hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay, không quan hệ tình cảm. HĐXX nhận định đến nay mâu thuẫn vợ chồng anh Biên, chị Bằng là trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, anh chị ly thân nhau từ lâu, đời sống chung không thể kéo dài được, anh Biên làm đơn xin ly hôn chị Bằng đồng ý, việc làm đơn xin ly hôn của anh Biên là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Biên.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh Ly, sinh ngày 23/4/2010. Khi ly hôn chị Bằng xin nuôi cháu Ly, anh Biên đồng ý cho chị Bằng tiếp tục nuôi cháu Ly. Tại biên bản lấy lời khai cháu Ly có nguyện vọng được ở với chị Bằng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của anh Biên, chị Bằng, cháu Ly hoàn phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập của cháu nên cần chấp nhận nguyện vọng các đương sự. Giao cháu Ly cho chị Bằng tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Bằng yêu cầu anh Biên cấp dưỡng nuôi con chung là 1,000,000đ/1 tháng, anh Biên đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1,500,000đ/1 tháng, Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Biên là phù hợp nên chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung 1,500,000đ/1 tháng cho đến khi cháu Ly tròn 18 tuổi.

[3]Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; của anh Biên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; Xử:

Về quan hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Huy Biên. Anh Nguyễn Huy Biên được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bằng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh Ly, sinh ngày 23/4/2010 cho chị Nguyễn Thị Bằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Huy Biên cấp dưỡng nuôi con chung là 1,500,000đồng/1 tháng cho đến khi cháu Ly tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Huy Biên phải chịu 300,000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300,000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

(Xác nhận anh Biên đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001468 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong)

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *UBND xã Tam Đa;*
- *VKS huyện Yên Phong;*
- *THA DS huyện Yên Phong;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Huy Biên phải chịu 300,000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300,000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

(Xác nhận anh Biên đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001468 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong)

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Chủ toạ phiên toà**

Kiều Văn Dậu Nghiêm Đình Chế.